

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Bản án số: 86/2025/DS-PT
Ngày 20 - 02 - 2025
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Nguyễn Văn Thanh
tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 653/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 245/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 579/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 61/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025.

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: số A đường số D, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đình T1, sinh năm 1983; địa chỉ: số C Lô A, khu phố C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Trần Ngọc M, sinh năm 1999; địa chỉ: số D Lô S, Cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ông Phạm Nhật T2, sinh năm 1988; địa chỉ: số A đường số D, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/8/2022).

Ông Trần Đình T1 có mặt; bà Trần Ngọc M và ông Phạm Nhật T2 vắng mặt.

- Bị đơn Ông Phạm Tiến D, sinh năm 1965; địa chỉ: số A (số C) đường T, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đậu Đức N, sinh năm 1992; địa chỉ: số G N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/10/2022), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1957; địa chỉ: số H khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1962; địa chỉ: số H khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T3: Ông Trần Đình T1, sinh năm 1983; địa chỉ: số C Lô A, khu phố C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc bà Trần Thị Thúy T4, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/02/2024).

Ông Trần Đình T1 có mặt; bà Trần Thị Thúy T4 vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: số A đường số D, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (bà H bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 01/2013/QĐDS-ST ngày 15/01/2013 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương).

Người đại diện theo pháp luật của bà Phạm Thị H: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1935; địa chỉ: số H khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là mẹ ruột của bà Phạm Thị H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1935; địa chỉ: số H khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Cháu Phạm Tấn L1, sinh năm 2009;

6. Cháu Phạm Tấn K, sinh năm 2011;

Hai cháu Phạm Tấn L1 và Phạm Tấn K cùng địa chỉ: số A đường L, khu phố P, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Tấn L1 và cháu Phạm Tấn K: Bà Nguyễn Thị Út H1, sinh năm 1984; địa chỉ: số A đường L, khu phố P, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là mẹ ruột của cháu L1 và cháu K do hai cháu chưa đủ 18 tuổi.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Út H1: Ông Trần Đình T1, sinh năm 1983 hoặc bà Phạm Thị Thu T5, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: số D đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023).

Ông Trần Đình T1 có mặt; bà Phạm Thị Thu T5 vắng mặt.

7. Bà Phan Thị M1, sinh năm 1968; địa chỉ: số A (số C) đường T, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Ông Ninh Tiến Đ, sinh năm 1975;

9. Bà Bùi Thị Lan A, sinh năm 1977;

Ông Ninh Tiến Đ và bà Bùi Thị Lan A cùng trú tại địa chỉ: số A đường số I, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ và bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

10. Bà Lê Thị Mỹ L2, sinh năm 1984; địa chỉ: số C đường số H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Quán M3, số A đường T, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

11. Ông Trương Văn B, sinh năm 1974; địa chỉ: số A (số C) đường T, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn P (Năm P1), sinh năm 1960; địa chỉ: số A (số C), khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Sơn L3, sinh năm 1983; địa chỉ: số D (số M), khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Văn T3, ông Phạm Văn N1, bà Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Thị L, cháu Phạm Tấn L1 và cháu Phạm Tấn K (do bà Nguyễn Thị Út H1 là người đại diện theo pháp luật).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là ông Phạm Văn T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Đình T1 trình bày:*

Cụ Phạm Thị L4, sinh năm 1928, đã chết ngày 26/10/2003, không để lại di chúc. Cụ Phạm Thị L4 sống độc thân và không có chồng con, cụ L4 là con ruột của cụ Phạm Văn C và cụ Đào Thị C1, Cụ C và cụ C1 không rõ năm sinh và đều đã chết trước cụ L4 (không rõ ngày tháng năm chết).

Cụ Phạm Văn C và cụ Đào Thị C1 (không nhớ rõ năm sinh) đều đã chết nhưng không để lại di chúc (không rõ ngày, tháng, năm chết). Cụ C và cụ C1 sinh được 05 người con ruột và không có con nuôi bao gồm:

1. Bà Phạm Thị L5, sinh năm 1920, chết năm 1995. Bà Phạm Thị L5 có chồng không rõ họ tên và đã chết trước bà L5 nhưng không rõ năm sinh, năm chết. Bà L5 và chồng không có con ruột, con nuôi;

2. Bà Phạm Thị T6, sinh năm 1926, chết năm 1998. Bà Phạm Thị T6 sống độc thân không có chồng con.

3. Bà Phạm Thị L4, sinh năm 1928, chết năm 2003. Bà Phạm Thị L4 sống độc thân không có chồng con.

4. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1924, chết năm 2016. Bà Phạm Thị H2 sống độc thân không có chồng con.

5. Ông Phạm Văn M2, sinh năm 1932, chết năm 1998. Ông M2 có vợ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1935, còn sống. Ông Phạm Văn M2 và bà Nguyễn Thị L sinh ra 07 người con ruột và không có con nuôi gồm:

5.1. Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1957, còn sống;

5.2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1959, còn sống;

5.3. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1962, còn sống;

5.4. Ông Phạm Tiến D, sinh năm 1965, còn sống;

5.5. Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1968, chết ngày 31/01/2019;

5.6. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970, còn sống nhưng bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.7. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1973 (đã chết năm 1976);

Lúc còn sống, bà Phạm Thị L4, sinh năm 1928 (đã chết ngày 16/10/2003 và bà L4 độc thân không có chồng con) đã tạo lập được một số tài sản và trở thành di sản thừa kế sau khi bà L4 chết bao gồm: tổng diện tích đất 8.375m² tại ấp B, xã A, huyện D (nay là khu phố B, phường A, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 872QSDĐ/CQ.AB do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/9/2001, bao gồm:

- Khu đất thứ nhất có diện tích 2.790m² thuộc thửa đất số 712, tờ bản đồ số 10 (đo đạc thực tế có diện tích 2.654m²);

- Khu đất thứ hai có diện tích 5.585m² thuộc thửa đất số 754, 755, tờ bản đồ số 10 (đo đạc thực tế 5.497,6m² trong đó có 85,7m² là đất mộ) và một căn nhà ở loại 01 trệt, 01 lầu trên đất.

Theo kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 22/6/2022 có diện tích 4,1m² đất thuộc thửa 727; diện tích 1,7m² đất thuộc thửa 2177; diện tích 2,0m² đất thuộc thửa 733 và diện tích 2,2m² đất thuộc thửa 2211. Các phần đất này không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho

bà Phạm Thị L4 nên nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Do bà L4 sống độc thân không có chồng con nên tại thời điểm bà L4 chết (ngày 16/10/2003) và không để lại di chúc nên tài sản do bà L4 tạo lập trở thành di sản thừa kế theo pháp luật, nhưng hàng thừa kế thứ nhất không còn ai nên người thừa kế ở hàng thừa kế thứ hai của bà Phạm Thị L4 là bà Phạm Thị H2 (chị ruột còn sống tại thời điểm mở thừa kế). Do bà H2 chưa khai nhận di sản thừa kế của bà L4 theo pháp luật thì đến ngày 16/10/2016, bà Phạm Thị H2 chết không để lại di chúc (Giấy khai tử ngày 19/10/2016 do Ủy ban nhân dân phường A cấp). Bà Phạm Thị H2 cũng sống độc thân không có chồng con nên phần di sản bà H2 được đương nhiên thừa kế của bà Phạm Thị L4 trở thành di sản thừa kế theo pháp luật của bà H2 và những người thừa kế thuộc hàng thứ ba của bà Phạm Thị H2 được thừa hưởng theo pháp luật. Người thừa kế thuộc hàng thứ ba của bà Phạm Thị H2 là những người cháu ruột của bà H2, bà L4 và là con ruột của ông Phạm Văn M2, bà Nguyễn Thị L (ông M2 là em ruột bà L4, bà H2 nhưng chết trước bà L4 và bà H2) bao gồm 06 người con ông M2, bà L, trong đó có 05 người còn sống và 01 người đã chết chỉ còn vợ, con gồm: Ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, ông Phạm Tiến D, bà Phạm Thị H (còn sống), trong đó bà H bị mất năng lực hành vi dân sự, ông Phạm Văn N2 đã chết ngày 31/01/2019 (Giấy khai tử ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường A). Ông N2 có vợ là bà Nguyễn Thị Út H1 đã ly hôn; ông N2 và bà H1 có 02 con chung là cháu Phạm Tấn K và cháu Phạm Tấn L1 đều chưa đủ 18 tuổi.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Phạm Thị L4 chết để lại cho những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thứ ba của bà L4 bao gồm: Ông T, ông N1, ông T3, ông D, bà H và những người thừa kế thế vị của ông Phạm Văn N2 gồm bà Nguyễn Thị L (Mẹ đẻ) và 02 cháu Phạm Tấn K, Phạm Tấn L1 do mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Út H1 làm đại diện theo pháp luật.

Di sản yêu cầu phân chia thừa kế bao gồm:

1. Thừa đất số 712, tờ bản đồ số 10 tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương đo đạc thực tế diện tích 2.654m², trị giá 53.080.000.000đ (năm mươi ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Yêu cầu chia thừa kế cho 06 kỹ phần, mỗi kỹ phần được hưởng 442,333m² đất, trị giá 8.846.666.000đ (tám tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng);

2. Thừa đất số 754, 755, tờ bản đồ số 10 tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương đo đạc thực tế diện tích 5.411,9m², khấu trừ đi 85,7m² đất mộ, trị giá 125.973.700.000 đ (một trăm hai mươi lăm tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Yêu cầu chia thừa kế cho 06 kỹ phần, mỗi kỹ phần được hưởng 901,983m² bao gồm 50m² đất ở đô thị và 851,983m² đất cây lâu năm, trị giá mỗi kỹ phần là 20.995.616.000đ (hai mươi tỷ chín trăm chín mươi lăm

triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Đối với ngôi nhà 01 trệt, 01 lầu trên đất ai được chia kỹ phần bằng hiện vật gắn với ngôi nhà thì được hưởng ngôi nhà đó.

Tổng diện tích đất nguyên đơn ông Phạm Văn T yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 712, 754, 755 tờ bản đồ số 10 tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương là $442,333\text{m}^2 + 901,983\text{m}^2 = 1.344,316\text{m}^2$. Nguyên đơn yêu cầu được chia bằng hiện vật.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện: “Yêu cầu tuyên bố các hợp đồng cho thuê, cho ở nhờ, bán giấy tay và các giao dịch khác (nếu có) giữa ông Phạm Tiến D với bên thứ 3 là vô hiệu do vi phạm điều cấm và buộc ông D tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên đất là tài sản thừa kế chưa chia của bà Phạm Thị L4, trả lại hiện trạng đất ban đầu đối với toàn bộ phần đất di sản để phân chia thừa kế theo pháp luật”. Tuy nhiên, nguyên đơn nhận thấy đã có các quyết định đang có hiệu lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép trên đất, trả lại hiện trạng đất ban đầu nên yêu cầu này là không cần thiết nên nguyên đơn xin rút lại các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Nguyên đơn thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 02/10/2020 và mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 22/6/2022 và kết quả định giá do Tòa án sơ thẩm đã thực hiện, không có ý kiến gì khác.

- Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Phạm Tiến D và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đậu Đức N trình bày:

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, diện thừa kế, nguồn gốc tài sản là di sản của bà Phạm Thị L4 chết để lại như nguyên đơn đã khai. Tuy nhiên bị đơn Phạm Tiến D cho rằng ông Phạm Văn N2 tuy là người thừa kế thứ ba của bà Phạm Thị L4 nhưng ông N2 đã chết năm 2019 (chết sau bà L4 16 năm), ông N2 có vợ là bà Nguyễn Thị Út H1 nhưng đã ly hôn năm 2018, chỉ còn 02 con là Phạm Tấn K, sinh năm 2009 và Phạm Tấn L1, sinh năm 2011. Do đó, bị đơn không đồng ý chia thừa kế tài sản của bà Phạm Thị L4 cho những người thừa kế thế vị của ông Phạm Văn N2, chỉ đồng ý chia cho 05 kỹ phần gồm: Phạm Văn T, Phạm Văn N1, Phạm Văn T3, Phạm Tiến D và Phạm Thị H.

Bị đơn thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 02/10/2020 và mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 22/6/2022 và kết quả định giá, không có ý kiến gì khác.

Theo kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 22/6/2022 có diện tích 4,1m² đất thuộc thửa 727; diện tích 1,7m² đất thuộc thửa 2177; diện tích 2,0m² đất thuộc thửa 733 và diện tích 2,2m² đất thuộc thửa 2211. Các phần đất này không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Thị L4 nên bị đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với 01 căn nhà ở 01 trệt, 01 lầu, diện tích xây dựng 110,5m² (giá trị còn lại 20%), được định giá ngày 29/02/2024 là 108.378.400đ, trên thửa đất số 754, 755, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương do bà L4 để lại thì ai được chia phần đất gắn liền căn nhà này thì người đó được hưởng, bị đơn không tranh chấp. Đối với các công trình, hạng mục bị đơn xây dựng trên thửa đất 754, 755 đã có các quyết định buộc tháo dỡ, khôi phục hiện trạng của Cơ quan Nhà nước thì hiện bị đơn đã thi hành được một phần, phần còn lại bị đơn sẽ thực hiện theo quy định. Đối với việc cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ L2 và ông Trương Văn B thuê đất thì bị đơn sẽ thỏa thuận cùng bà L2, ông B về hợp đồng thuê; bị đơn không tranh chấp không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê trong vụ án này.

Do bà L4 không có chồng, con nên ngay từ nhỏ bị đơn đã sống chung nhà với bà L4 do bà L4 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, khi lớn lên lập gia đình cùng bà Phan Thị M1 thì bị đơn và bà M1 là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng bà L4 khi đau yếu, bệnh tật. Chính vì lý do trên nên bà L4 mới cho vợ chồng ông D, bà M1 một phần diện tích đất trong thửa 754, 755 tờ bản đồ số 10 để xây dựng nhà ở riêng với bà M1 và có thời gian hoạn dưỡng, chăm sóc bà L4 trong ngôi nhà thờ trên khu đất. Việc xây dựng nhà ở và quản lý đất của bà L4 thì các anh em trong gia đình biết rõ nhưng không ai phản đối hay có ý kiến gì ngăn cản. Bà L4 đã giao cho ông D cất giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L4 để sau này khi có điều kiện bà L4 sẽ làm thủ tục tách thửa, tặng cho quyền sử dụng đất cho ông D. Ngày 16/10/2003, bà L4 chết không để lại di chúc, tài sản thừa kế của bà L4 gồm diện tích đất (đo đạc thực tế là 2.654m²) thuộc thửa 712, tờ bản đồ số 10 và diện tích đất đo thực tế 5.411,9m² (có 300m² đất ở) thuộc thửa số 754, 755, tờ bản đồ số 10 trên đất có ngôi nhà thờ do bà L4 xây dựng 01 trệt, 01 lầu và ngôi nhà ở do ông D xây dựng do ông D và bà M1 quản lý, trông giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất từ khi bà L4 chết năm 2003 cho đến khi phát sinh tranh chấp vào năm 2022. Việc quản lý, gìn giữ di sản của ông D được tất cả anh em trong gia tộc đều biết nhưng không có ý kiến phản đối. Ông D đã xây dựng, trông nom nhà cửa, đổ đất, xây dựng bờ bao, cải tạo đất. Vì nếu nhà đất, vườn cây không có người quản lý, trông nom sẽ bị lấn chiếm, mất đất; nhà không có người ở sẽ xuống cấp, nhanh hư hỏng hơn... Ông D có gìn giữ, quản lý thì di sản mới còn nguyên vẹn. Đó là chưa kể có những giai đoạn, di sản không có người quản lý, Nhà nước sẽ lấy đất cấp cho người khác nếu nhà đất bỏ hoang. Việc gìn giữ, bảo quản, tôn tạo di sản của bị đơn trong một thời gian dài được những người

hàng xóm sống lâu năm tại địa phương đều biết và làm chứng. Bị đơn ông Phạm Tiến D yêu cầu được tính công sức quản lý, gìn giữ di sản cho bị đơn tương đương 50% giá trị của một kỷ phần thừa kế trong số 5 kỷ phần thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L4 và khấu trừ vào di sản trước khi chia thừa kế theo pháp luật theo đúng quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 618 và Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trước đây, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H đều không có chồng con và bị mất năng lực hành vi dân sự. Tháng 10/2012, ông D đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương tuyên bố bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H mất năng lực hành vi dân sự, trong đó xác định bà H2 là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Phạm Thị L4 đã chết năm 2003 nhưng bà H2 bị mất năng lực hành vi dân sự, tài sản thừa kế của bà L4 hiện do ông D đang quản lý sử dụng là quyền sử dụng đất diện tích 8.375m² thuộc các thửa đất số 712, 754, 755, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 872/QSĐĐ.CNBA do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp cho bà L4 ngày 10/9/2001. Nhằm thuận tiện trong việc chăm sóc cho bà H2 và bà H do bệnh tật, cũng như để các đồng thừa kế thuộc hàng thứ ba của bà L4 thuận lợi trong việc phân chia di sản thừa kế sau này. Tại Quyết định số 01/2013/QĐDS-ST ngày 15/01/2013 Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương đã tuyên bố bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H mất năng lực hành vi dân sự. Ông D cũng có yêu cầu được công nhận là người giám hộ cho bà H2 và bà H để tiện phụng dưỡng, chăm sóc nhưng Tòa án giao bà H cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, bà L là người già, không còn sức lao động để có khả năng chăm sóc cho bà Phạm Thị H bị mất năng lực hành vi dân sự. Ông D đã làm đơn yêu cầu được thay đổi người giám hộ cho bà Phạm Thị H từ bà L sang ông D, đơn đã được Ủy ban nhân dân phường A, hòa giải hai lần vào tháng 7/2024 nhưng chưa có kết quả cuối cùng.

Ông D từ nhỏ đã ở trên đất cùng bà L4, đến năm 1994 thì ông D cưới bà Phan Thị M1 và hai vợ chồng tiếp tục sinh sống trên đất đến năm 2002, ông D và bà M1 đã xây dựng trên đất một ngôi nhà để ở có diện tích 386,9m² không xin phép, sau đó Ủy ban nhân dân phường A xác minh và ban hành Văn bản số 174/CV-UBND ngày 08/12/2015 xác định nhà ông D xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp nhưng không thuộc diện buộc tháo dỡ, không xử phạt vi phạm hành chính. Công sức gìn giữ, quản lý, trông nom, tôn tạo giá trị tài sản của ông D là không thể phủ nhận. Theo quy định pháp luật hiện hành và Án lệ số 05/2016/AL thì đôi với những vụ án chia di sản thừa kế cần xem xét đến công sức gìn giữ, quản lý, trông nom, tôn tạo giá trị tài sản. Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vào vụ án này để giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tổng giá trị di sản được định giá là 179.053.700.000đ (một trăm bảy mươi chín tỷ không trăm năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng), bao gồm: thửa đất 712 có giá trị là 53.080.000.000đ (năm mươi ba tỷ không trăm tám mươi triệu

đồng); thửa 754, 755, có 300m² đất ở đô thị trị giá 8.400.000.000đ và 5.111,9m² đất cây lâu năm trị giá 117.573.700.000đ, tổng giá trị khu đất thuộc thửa 754, 755 là 125.973.700.000đ (một trăm hai mươi lăm tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Bị đơn yêu cầu tính công sức quản lý, gìn giữ, bảo quản di sản cho bị đơn tương đương 50% giá trị của một kỷ phần thừa kế trước khi chia di sản theo quy định pháp luật, cụ thể tính công sức cho bị đơn là $(179.053.700.000đ : 5) \times 50\% = 17.905.370.000đ$ (mười bảy tỷ chín trăm lẻ năm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Phần di sản còn lại sau khi tính công sức cho bị đơn: $179.053.700.000đ - 17.905.370.000đ = 161.148.330.000đ$ (một trăm sáu mươi một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), chia thừa kế cho 05 kỷ phần gồm: ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, ông Phạm Tiến D và bà Phạm Thị H, mỗi kỷ phần thừa kế được chia trị giá: 32.229.666.000đ (ba mươi hai tỷ hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Bị đơn yêu cầu được chia thừa kế và phần công sức gìn giữ di sản gồm: $32.229.666.000đ + 17.905.370.000đ = 50.135.036.000đ$ (năm mươi tỷ một trăm ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Bị đơn yêu cầu được chia hiện vật tương ứng với diện tích đất như sau: 743,12m² thuộc thửa 712, tờ bản đồ số 10 và 1.515,322m² trong đó có 84m² đất ở đô thị và 1.431,332m² đất cây lâu năm thuộc thửa 754, 755, tờ bản đồ số 10 tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích đất thuộc 03 thửa đất 712, 754, 755, tờ bản đồ số 10, bị đơn Phạm Tiến D yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật và phần công sức gìn giữ di sản cho ông D là 2.258,452m² trong đó có 84m² đất ở đô thị thuộc thửa 754, 755.

Phần di sản thừa kế còn lại chia hiện vật cho 04 đồng thừa kế thuộc hàng thứ ba còn lại của bà L4 gồm ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3 và bà Phạm Thị H mỗi kỷ phần được hưởng: 477,72m² đất thửa 712 + 54m² đất ở đô thị và 920,142m² đất cây lâu năm thuộc thửa 754, 755, tờ bản đồ số 10, tổng cộng 1.451,862m² đất, trong đó có 54m² đất ở tại đô thị thuộc thửa 754, 755.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T3 do ông Trần Đình T1 là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:* Thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn T. Đề nghị chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị L4 theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:* Thống nhất với toàn bộ trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn T. Đề nghị chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị L4 theo pháp luật.

Trường hợp phần diện tích đất chia cho ông Phạm Văn N2 không đảm bảo diện tích tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B khi phân chia đất cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N2 gồm: bà Nguyễn Thị L

(mẹ đẻ), cháu Phạm Tấn K (con đẻ), cháu Phạm Tấn L1 (con đẻ) thì yêu cầu Tòa án giải quyết cho 03 người Phạm Thị L6, Phạm Tấn K, Phạm Tấn L1 chung một thửa đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Tấn L1 và cháu Phạm Tấn K do bà Nguyễn Thị Út H1 (mẹ đẻ) là người đại diện theo pháp luật, có ông Trần Đình T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Thống nhất với toàn bộ trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn T. Đề nghị chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị L4 theo pháp luật.

Trường hợp phân diện tích chia cho ông Phạm Văn N2 không đảm bảo diện tích tách thửa theo quy định để chia hiện vật cho từng người thuộc hàng thừa kế thứ 1 của ông N2 gồm 03 người là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ), cháu Phạm Tấn K (con đẻ), cháu Phạm Tấn L1 (con đẻ) thì bà H1 thống nhất yêu cầu chia chung thửa đất với bà L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M1 trình bày:* thống nhất với toàn bộ trình bày và yêu cầu của bị đơn ông Phạm Tiến D. Ngoài ra, bà M1 không có yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ninh Tiến Đ và bà Bùi Thị Lan A trình bày:*

Vào khoảng năm 2011 và năm 2015, ông Ninh Tiến Đ và vợ là bà Bùi Thị Lan A có cho ông Phạm Tiến D vay mượn tiền, thời gian đã lâu nên không nhớ số tiền cho vay là bao nhiêu. Ông D đã trả hết số tiền vay cho ông Đ và bà Lan A, các bên không có tranh chấp về việc này. Vào thời điểm cho vay tiền, vì để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ và bà Lan A có yêu cầu ông D làm Giấy thỏa thuận mua bán đất (theo hai giấy Thỏa thuận mua bán đất ngày 06/12/2011 và 07/07/2015). Trên thực tế, giữa ông Đ, bà Lan A và ông D không có thỏa thuận mua bán đất, mà chỉ là cho ông D vay tiền và ông D đã trả hết tiền vay. Các bên lập giấy mua bán đất chỉ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và hiện nay ông D đã trả hết nợ nên các Giấy thỏa thuận mua bán đất này vô hiệu.

Ông Đ và bà Lan A cam kết nội dung nêu là hoàn toàn đúng sự thật, cam kết không tranh chấp, khiếu nại gì về các giấy thỏa thuận mua bán đất nêu trên và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ L2 trình bày:*

Bà L2 có thuê mặt bằng của ông Phạm Tiến D để bán quán Mái Lá Mới tại số A đường T, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương từ năm 2016, hai bên có lập hợp đồng thuê mặt bằng thời hạn thuê là 05 năm từ năm 2016 đến năm 2021. Sau khi hết hạn thuê năm 2021, bà L2 vẫn tiếp tục kinh doanh đến nay và do tin tưởng nên ông D không ký gia hạn hợp đồng thuê mặt bằng nhưng vẫn thu tiền thuê hàng tháng là 14.000.000đ/tháng. Trên diện tích đất thuê, bà L2 xây dựng các công trình tạm để kinh doanh mua bán gồm: Nhà tạm nền xi măng, gạch tàu, mái tôn, cột sắt tròn, kèo sắt hộp, vách tôn và xi măng, cửa sắt diện tích

79,7m²; 01 nhà tạm nền xi măng, cột sắt hộp, mái tôn, cửa sắt, vách lưới B40 diện tích 36,1m²; 01 nhà phục vụ kinh doanh nền xi măng, cột kèo gỗ tạp, vách tôn, vách tường gạch và lưới B40, mái lá diện tích 121,8m²; 01 nhà phục vụ kinh doanh nền gạch tàu, cột gỗ tạp, kèo gỗ tạp, tường gạch xây tô lững, lưới B40, mái lá diện tích 20,16m²; 01 nhà tạm kết cấu nền gạch men và xi măng, cột sắt tròn, kèm sắt hộp, vách lưới B40 và tôn, mái tôn, cửa lưới B40, khung sắt hộp diện tích 60m² và 01 hàng rào diện tích 63,56m². Nếu trong trường hợp diện tích đất đang thuê mở quán buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng để giao đất cho người khác thì bà L2 tự thỏa thuận với ông D về chi phí tháo dỡ, di dời tài sản và không yêu cầu người được Tòa án chia đất nơi bà L2 thuê đền bù thiệt hại. Bà L2 xin được vắng mặt khi Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn B trình bày:

Năm 2019, ông B có thuê mặt bằng của ông Phạm Tiến D để buôn bán thời hạn thuê là 05 năm từ năm 2019 đến năm 2024, giá thuê 5.000.000 đ/tháng. Ông B có dựng 01 nhà tiền chế để kinh doanh gà, kết cấu nền xi măng và gạch men, cột sắt hộp, vách tôn, kèo sắt hộp, cửa sắt cuốn, mái tôn diện tích 61,2m². Từ khi thuê của ông D cho đến nay thì việc thuê đất của ông B rất ổn định, không có tranh chấp gì. Trường hợp Tòa án chia đất cho ai thì ông B sẽ tự thỏa thuận với người đó về việc tiếp tục thuê đất, đối với tài sản trên đất ông B sẽ thương lượng giải quyết theo quy định của pháp luật với ông D. Ông B xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 245/2024/DS-ST ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị L4.

2. Phân chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của bà Phạm Thị L4:

Xác định những người hưởng di sản thừa kế của bà Phạm Thị L4 là:

- Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1957;

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1959;

- Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1962;

- Ông Phạm Tiến D, sinh năm 1965;

- Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1968, chết ngày 31/01/2019. Ông N2 đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của ông N2 gồm bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ), cháu Phạm Tấn K (con đẻ), cháu Phạm Tấn L1 (con đẻ) hưởng thay;

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970;

* Đối với thửa 712, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương chia như sau:

+ Chia cho ông Phạm Văn N1 diện tích đất 442,333m² loại đất (BHK).

- + Chia cho ông Phạm Văn T diện tích đất 442,333m² loại đất (BHK).
 - + Chia cho ông Phạm Văn T3 diện tích đất 442,333m² loại đất (BHK).
 - + Chia cho ông Phạm Tiến D diện tích đất 442,333m² loại đất (BHK).
 - + Chia cho ông Phạm Văn N2 diện tích đất 442,333m² loại đất (BHK). Do ông N2 đã chết nên các thừa kế của ông N2 là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ), cháu Phạm Tấn K (con đẻ), cháu Phạm Tấn L1 (con đẻ) được nhận thay.
 - + Chia cho bà Phạm Thị H diện tích đất 442,333m² loại đất (BHK).
- (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

* Đối với thửa 754, 755 tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương chia như sau:

- + Chia cho ông Phạm Văn N1 diện tích đất 821,567m² loại đất (CLN).
 - + Chia cho ông Phạm Văn T diện tích đất 821,567m² loại đất (CLN).
 - + Chia cho ông Phạm Văn T3 diện tích đất 756,350m² (trong đó có 300m² đất ở tại đô thị (ODT) và 456,350m² đất trồng cây lâu năm (CLN)).
 - + Chia cho ông Phạm Tiến D diện tích đất 1.369,279m² loại đất (CLN).
 - + Chia cho ông Phạm Văn N2 diện tích đất 821,567m² loại đất (CLN). Do ông N2 đã chết nên các thừa kế của ông N2 là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ), cháu Phạm Tấn K (con đẻ), cháu Phạm Tấn L1 (con đẻ) được nhận thay.
 - + Chia cho bà Phạm Thị H diện tích đất 821,567m² loại đất (CLN).
- (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc: Yêu cầu Tòa án tuyên toàn bộ các hợp đồng cho thuê, cho ở nhờ, bán giấy tay và các giao dịch khác (nếu có) giữa ông Phạm Tiến D với bên thứ ba là vô hiệu do vi phạm điều cấm và buộc ông D tháo dỡ ngay lập tức toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên đất, trả lại hiện trạng đất ban đầu đối với toàn bộ phần đất di sản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2024, nguyên đơn ông Phạm Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T3, ông Phạm Văn N1, bà Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Thị L, cháu Phạm Tấn L1 và cháu Phạm Tấn K (cháu L1 và cháu K do bà Nguyễn Thị Út H1 là người đại diện theo pháp luật) kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 245/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận tính công sức đóng góp cho ông Phạm Tiến D đối với thửa đất số 754, 755; tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại khu phố B, phường A,

thành phố D, tỉnh Bình Dương. Đồng thời, chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 754, 755; tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Trần Đình T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại phiên tòa sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Trần Đình T1 đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T3, Phạm Văn N1, ông Trần Đình T1 cũng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Út H1 là người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Tấn K và cháu Phạm Tấn L1 chưa đủ 18 tuổi vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn N1, Phạm Văn T3 và bà Nguyễn Thị Út H1. Bị đơn ông Phạm Tiến D ủy quyền cho ông Đậu Đức N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L vừa là người thừa kế thế vị của ông Phạm Văn N2 vừa là người đại diện theo pháp luật cho bà Phạm Thị H mất năng lực hành vi dân sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà L. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M1 không kháng cáo và vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ninh Tiến Đ, bà Bùi Thị Lan A, ông Trương Văn B, bà Lê Thị Mỹ L2 có đơn xin vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm số 245/2024/DS-ST ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã xem xét quá trình quản lý, gìn giữ tài sản là di sản do bà Phạm Thị L4 chết để lại cho bị đơn Phạm Tiến D là 10% giá trị tài sản là di sản bao gồm thửa đất số 754, 755, tờ bản đồ số 10 có diện tích qua đo đạc thực tế là 5.497,6m² trong đó có 85,7m² là đất có 09 ngôi mộ của người chết, diện tích còn lại 5.411,9m² tại khu phố B, thành phố D, tỉnh Bình Dương từ khi bà L4 qua đời (tháng 10/2003) đến nay đã hơn 20 năm, bị đơn ông Phạm Tiến D cũng là người ở chung, chăm sóc, hoạn dưỡng cho bà L4 khi bà còn sống, ông D cũng là người đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương tuyên bố bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị H là người mất năng lực hành vi dân sự vào năm 2013 sau khi bà L4 chết đã 10 năm. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức tôn tạo làm tăng giá trị tài sản là di sản, công sức bảo quản, gìn giữ di sản của bà L4 cho bị đơn Phạm Tiến D bằng 10% giá trị tài sản là khu đất 5.411,9m² thuộc thửa 754, 755, tờ bản đồ số 10 là phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận

kháng cáo của nguyên đơn Phạm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn T3, Phạm Văn N1, Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L đại diện), cháu Phạm Tấn K, Phạm Tấn L1 (do bà Nguyễn Thị Út H1 đại diện) và bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 245/2024/DS-PT ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 14/8/2024 của nguyên đơn là ông Phạm Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Phạm Văn T3, ông Phạm Văn N1, bà Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Thị L, cháu Phạm Tấn L1 và cháu Phạm Tấn K (do bà Nguyễn Thị Út H1 là người đại diện theo pháp luật) là trong thời hạn luật định. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đậu Đức N, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế và diện thừa kế của bà Phạm Thị L4: Bà Phạm Thị L4, chết ngày 16/10/2003 không để lại di chúc. Bà L4 là người sống độc thân, không có chồng, con. Bà L4 có cha và mẹ ruột là cụ Phạm Văn C và cụ Đào Thị C1 là những người thừa kế hàng thứ nhất của bà L4 nhưng cụ C và Cụ C1 đã chết trước bà L4, trong thân tộc không ai biết rõ cụ C, cụ C1 chết thời gian nào. Những người thừa kế ở hàng thứ hai của bà L4 là 04 người anh chị em ruột của bà L4 bao gồm: Bà Phạm Thị L5, sinh năm 1922, đã chết năm 1995, bà L5 có chồng, không rõ họ tên đã chết trước bà L5, vợ chồng bà L5 không có con; bà Phạm Thị T6, sinh năm 1926, chết năm 1998, bà T6 là người sống độc thân, không có chồng con; bà Phạm Thị H2, sinh năm 1924, sống độc thân không có chồng con, bà H2 bị mất năng lực hành vi dân sự và chết năm 2016; ông Phạm Văn M2, sinh năm 1932, chết năm 1998. Ông M2 có vợ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1935 (còn sống), giữa ông M2 và bà L sinh được 07 người con, trong đó có bà Phạm Thị H3, sinh năm 1973, sống độc thân không có chồng con, đã chết lúc 03 tuổi (năm 1976), còn lại 06 người gồm 05 người còn sống và 01 người đã chết gồm: 1- Phạm Văn N1, sinh năm 1957, 2 - Phạm Văn T, sinh năm 1959, 3 - Phạm Văn T3, sinh năm 1962, 4 - Phạm Tiến D, sinh năm 1965, 5 - Phạm Thị H, sinh năm 1970 bị mất năng lực hành vi dân sự do mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L là người đại

diện theo pháp luật, 6 - Phạm Văn N2, sinh năm 1968, đã chết ngày 31/01/2019. Ông Phạm Văn N2 có vợ là bà Nguyễn Thị Út H1 (đã ly hôn theo quyết định của Tòa án năm 2018), ông N2 và bà H1 có 02 người con chung là cháu Phạm Tấn K, sinh năm 2009 và Phạm Tấn L1, sinh năm 2011. Như vậy những người thừa kế thuộc hàng thứ ba của bà Phạm Thị L4 bao gồm: Ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, ông Phạm Tiến D, bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn N2. Do ông N2 đã chết năm 2019 nên bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột), cháu Phạm Tấn K (con đẻ) và cháu Phạm Tấn L1 (con đẻ) được thừa kế thế vị của ông N2. Do bà L4 chết không để lại di chúc nên tài sản do bà L4 tạo lập khi còn sống để lại trở thành di sản của bà L4 và thuộc diện thừa kế theo pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 679 của Bộ luật Dân sự năm 1995; điểm c khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hàng thừa kế thứ ba của bà Phạm Thị L4 bao gồm: ông Phạm Văn N1; ông Phạm Văn T; ông Phạm Văn T3; ông Phạm Tiến D; ông Phạm Văn N2, sinh năm 1968, mất ngày 31/01/2019 (hàng thừa kế thứ nhất của ông N2 gồm 03 người là Nguyễn Thị L (mẹ đẻ), cháu Phạm Tấn K (con đẻ), cháu Phạm Tấn L1 (con đẻ)); bà Phạm Thị H.

[2.2] Về tài sản là di sản của bà Phạm Thị L4 chết để lại bao gồm: khu đất diện tích 2.790m², loại đất trồng cỏ thuộc thửa số 712; khu đất 5.482m² trong đó có 197m² đất thổ cư và 5.285m² đất cây lâu năm thuộc thửa số 754; khu đất thổ cư 103m² thuộc thửa số 755. Cả 03 thửa đất 712, 754, 755 thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện D (nay là khu phố B, phường A, thành phố D), tỉnh Bình Dương và bà Phạm Thị L4 đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 872/QSĐĐ.CNBA, ngày 10/9/2001. Trên đất có 01 ngôi nhà do bà L4 xây dựng vào năm 1975, loại nhà 01 tầng kết cấu nền bê tông xi măng, cột gạch, khung cột bê tông cốt thép phía trước có đồ sê nô mặt tiền, tường gạch xây tô, quét vôi, cửa gỗ, mái tôn diện tích 41,5m²; 01 nhà ở loại 01 tầng có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô, sơn nước, cột gạch, khung cột bê tông cốt thép, phía trước có đồ sê nô mặt tiền, cửa sắt kéo, mái tôn, diện tích xây dựng 86,6m², xây dựng năm 2003. Tại thửa đất 754, 755 có 09 ngôi mộ người chết chiếm diện tích 85,7m², trong đó ngôi mộ của cụ C bằng đá ong diện tích 06m² và 08 ngôi mộ khác của ông bà trong thân tộc đã chôn cất từ xưa. Trên thửa đất 754, 755, ông D, bà M1 có xây dựng 01 nhà ở loại 01 tầng, kết cấu tường gạch xây tô, sơn nước, bên trong ốp gạch men, cột gạch, khu vực bê tông cốt thép, phía trước đồ sê nô mặt tiền, trần thạch cao, cửa sắt lưới nhôm kính, diện tích xây dựng 110,5m² vào năm 2002 và một số công trình, nhà ở tạm trên đất nhưng không xin phép, hiện đã bị Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính buộc ông Phạm Tiến D và bà Phan Thị M1 tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép phục hồi lại hiện trạng ban đầu, ông D, bà M1 khởi kiện vụ án hành chính đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm tại bản án đã có hiệu lực pháp luật số 07/2022/HC-ST, ngày 25/01/2022, giữ nguyên các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương buộc ông D, bà M1 tháo dỡ các

công trình xây dựng trái phép trên đất, ông D, bà M1 đã thực hiện tháo dỡ công trình nhưng đang tiếp tục tháo dỡ chưa hoàn tất. Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M1 tháo dỡ các công trình nhà cấp 4, nhà tạm xây trái phép trên thửa đất 754, 755 để trả lại đất trống chia thừa kế theo pháp luật. Xét thấy, các công trình do bị đơn ông Phạm Tiến D cho một số hộ thuê, mượn mặt bằng tự xây dựng trái phép trên đất do không được phép tồn tại trên đất và đã bị Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương buộc tháo dỡ công trình, khôi phục hiện trạng ban đầu và nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với ngôi nhà 01 tầng do bà L4 xây dựng trên đất từ năm 1975 đến nay đã xuống cấp, tất cả các đương sự trong vụ án không có tranh chấp, không yêu cầu chia giá trị ngôi nhà này và đều thống nhất nếu người thừa kế nào được chia hiện vật có ngôi nhà bà L4 xây dựng trên đất thì người đó được hưởng hoặc có thể tháo dỡ, xây dựng mới các đương sự khác không tranh chấp. Đối với các công trình do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị Mỹ L2 và ông Trương Văn B đã xây dựng trên thửa đất 754, 755 do thuê mặt bằng của bị đơn ông Phạm Tiến D, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà L2, ông B cam kết tự tháo dỡ, di dời để giao đất cho người được chia thừa kế liên quan đến công trình xây dựng tạm của họ. Việc thiệt hại đối với các công trình nói trên bà L2, ông B tự thương lượng giải quyết với bị đơn Phạm Tiến D. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự cũng không kháng cáo đối với các công trình xây dựng (ngôi nhà của bà Phạm Thị L4 xây dựng), các tài sản khác do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã xây dựng trên các thửa đất tranh chấp số 754, 755, tờ bản đồ số 10 tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[2.4] Quá trình xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Tiến D đề nghị chia thừa kế của bà L4 thành 05 phần cho ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, ông Phạm Tiến D, bà Phạm Thị H; còn ông Phạm Văn N2 không chia vì ông đã chết. Tuy nhiên, ông N2 chết sau bà L4 (bà L4 chết năm 2003, ông N2 chết năm 2019) và ông N2 không thuộc các trường hợp không được quyền hưởng di sản theo quy định. Bản án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của bị đơn, chia thừa kế theo pháp luật tài sản thừa kế của bà Phạm Thị L4 chết để lại cho 06 người thừa kế theo pháp luật gồm: Ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, ông Phạm Tiến D, bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn N2, ông N2 đã chết nên những người thừa kế hàng thứ nhất của ông N2 là cháu Phạm Tấn K, cháu Phạm Tấn L1 và bà Nguyễn Thị L được thừa kế thế vị. Sau khi có bản án sơ thẩm, bị đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2.5] Đối với diện tích 4,1m² đất thuộc thửa 727; diện tích 1,7m² đất thuộc thửa 2177; diện tích 2,0m² đất thuộc thửa 733 và diện tích 2,2m² đất thuộc thửa 2211, theo kết quả đo đạc tại Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý do Chi

nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 22/6/2022. Các đương sự xác định các phần đất này không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Thị L4 nên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2.6] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L đại diện), không đồng ý trích 10% giá trị di sản thuộc quyền sử dụng 5.411,9m² tương đương (125.973.700.000 đồng x 10% = 12.597.370.000 đồng) để tính công sức tôn tạo, xây dựng, bảo quản di sản cho bị đơn ông Phạm Tiến D. Xét thấy:

- Đối với thửa đất số 712, tờ bản đồ số 10: qua xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì thửa đất này là đất trống không có công trình, cây trồng, tài sản nào khác trên đất và phù hợp loại đất khi bà Phạm Thị L4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mục đích sử dụng là “Đất cỏ” nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính công sức đóng góp của bị đơn ông Phạm Tiến D đối với thửa đất này là có căn cứ.

- Đối với thửa 754, 755, tờ bản đồ số 10: quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm các đương sự thống nhất và thừa nhận bị đơn ông Phạm Tiến D là người trực tiếp sinh sống trên phần đất thuộc thửa 754, 755, tờ bản đồ số 10 tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương của bà Phạm Thị L4 từ khi sinh ra cho đến nay. Bị đơn (ông D) sinh ra, lớn lên, xây dựng gia đình, sinh con cái trên thửa 754, 755. Hiện nay, ông D và vợ con có hộ khẩu thường trú tại nhà đất thuộc thửa 754, 755. Khi ông D lập gia đình thì có cất nhà ra ở riêng cũng trong khuôn viên thửa đất 754, 755. Trong quá trình quản lý sử dụng đất, ông D có sửa chữa lại nhà như hiện nay, tôn nền đất xây dựng nhiều hạng mục nhà, công trình như kết quả thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm, một phần cho thuê, một phần để ở. Việc ông D xây dựng nhà ở, các công trình khác, cho thuê mặt bằng được thực hiện từ khi bà Phạm Thị L4 còn sống nhưng bà L4 không ngăn cản, không phản đối hoặc yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý việc ông D sử dụng đất, xây dựng trái phép trên đất của mình. Khi bà L4 chết từ năm 2003 thì bà H2 cũng không phản đối, sau khi bà H2 chết thì các anh chị em của ông D cũng không phản đối. Việc ông D xây dựng các công trình không đúng quy định của pháp luật thì sẽ phải chịu các chế tài theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên điều này cho thấy thực tế ông D có các hoạt động quản lý, tôn tạo, giữ gìn đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết trích công sức trong việc giữ gìn, quản lý, tôn tạo đối với phần đất đang tranh chấp thừa kế thuộc thửa 754, 755 cho bị đơn (ông D) là 10% giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 754, 755, cụ thể 125.973.700.000 đồng x 10% = 12.597.370.000 đồng là phù hợp.

- Đối với ông Phạm Văn T3 hiện đang sinh sống tại căn nhà do bà Phạm Thị L4 xây dựng năm 1975 và để lại trên thửa đất 754, 755. Tuy nhiên, qua xem

xét thẩm định thực tế và trình bày của ông T3 tại phiên tòa thì ông T3 chỉ sinh sống trên phần nhà đất, quá trình sinh sống thì không cải tạo, xây dựng gì mới, nhà đất vẫn nguyên hiện trạng như khi bà L4 còn sống. Đồng thời, ông T3 cũng không có yêu cầu về công sức nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng.

[3] Nguyên đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Thị L, cháu Phạm Tấn L1 và cháu Phạm Tấn K (do bà Nguyễn Thị Út H1 là người đại diện theo pháp luật) kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không trích 10% di sản thuộc thừa đất 754, 755 để tính công sức gìn giữ, bảo quản di sản cho bị đơn ông Phạm Tiến D nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Phạm Văn T, Phạm Văn N1, Phạm Văn T3, bà Nguyễn Thị L do là người cao tuổi; miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với cháu Phạm Tấn L1 và cháu Phạm Tấn K do là trẻ em. Bà Phạm Thị H là người mất năng lực hành vi dân sự nên thuộc trường hợp không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 87, 147, 148; khoản 1 Điều 308; 309 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 679 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ các Điều: 649, 650, 652, 654, 656 và 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều: 627, 628, 630, 631, 632, 634, 643 và 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Thị L, các cháu Phạm Tấn K và Phạm Tấn L1 (bà Nguyễn Thị Út H1 là người đại diện hợp pháp của cháu K và cháu L1).

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 245/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N1, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị H (do bà Nguyễn Thị L đại diện theo pháp luật), bà Nguyễn Thị L, các cháu Phạm Tấn K và Phạm Tấn L1 (bà Nguyễn Thị Út H1 là người đại diện hợp pháp của cháu K và cháu L1) không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- TAND thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Thanh